

Số: 15/BC-VPĐPNTM

Ia Grai, ngày 01 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO
Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho xã O năm 2021

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành hướng dẫn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình nông thôn mới của các Sở, ban, ngành tỉnh;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Ia O tại Tờ trình số 94a/TTr-UBND ngày 12/11/2021 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Ia O của các cơ quan Thành viên Ban Chỉ đạo huyện, Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Ia O năm 2021 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (tháng 10-11/2021).

1. Về hồ sơ của UBND xã Ia O

- Tờ trình của UBND xã Ia O về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới;

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ia O (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã Ia O (bản chính);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính);

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ia O (bản chính);

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã Ia O.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt tại Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện và được công bố, công khai đúng thời hạn;

- Có hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới theo Điều 8, Điều 9 thuộc Thông tư số 02/20217/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

- Có quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã đã ban hành và quá trình tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

- Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$.

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa $\geq 50\%$.

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đường giao thông trục xã, liên xã: Đã nhựa hóa 24/24 km, đạt tỷ lệ 100% theo quy định.

- Đường trục thôn, xóm: Được cứng hóa 24,6/24,6 km, đạt 100%.

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: Tổng chiều dài là 61,5 km. Trong đó, tổng chiều dài được cứng hóa là 55,12/61,5 km đạt tỷ lệ cứng hóa 89,63% và 6,38 km còn lại sạch, không lầy lội vào mùa mưa.

- Đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện: cứng hóa 21,5/30,2 km, đạt tỷ lệ 71,19%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Căn cứ vào thực trạng tưới tiêu của các công trình thủy lợi trên địa bàn xã, từng công trình thủy lợi đều có báo cáo của các Công ty đứng chân trên địa bàn, Đội Quản lý khai thác các công trình thủy lợi huyện; thường xuyên tuyên truyền cho người dân biết về quy định của tiêu chí.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Trên địa bàn xã có 06 công trình Thủy lợi, trong đó 02 công trình (hồ làng Cúc, đập Ia Klay) do Đội quản lý khai thác các công trình thủy lợi quản lý, 04 công trình (hồ chứa Đội 12, hồ chứa Đội 15, hồ chứa Đội 16, hồ chứa Đội 17) do Công ty 715 quản lý. Diện tích gieo trồng cả năm được tưới theo thiết kế của các công trình thủy lợi: 370,25 ha, diện tích gieo trồng cả năm được tưới thực tế của các công trình thủy lợi: 400 ha. Do vậy, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động của các công trình thủy lợi đạt 92,56%.

Các diện tích đất sản xuất không nằm trong khu tưới của công trình thủy lợi, được tưới từ các các nguồn nước như ao, suối, giếng khoan và nước mưa là 3.493,45/3.493,45 ha đạt 100%.

+ Xã Ia O không nằm trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai nhưng các hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn luôn được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu dân sinh. Hàng năm UBND xã xây dựng Kế

hoạch, Phương án và tổ chức tốt Phòng, chống thiên tai nhằm tránh các thiệt hại do thiên tai gây ra; 100% cán bộ xã được tập huấn về công tác phòng chống thiên tai. UBND xã lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch sử dụng đất, phát triển dân sinh – kinh tế - xã hội – môi trường...có hệ thống loa đài đến các thôn để người dân được tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai; 100% những điểm có nguy cơ cao về thiên tai được lắp đặt hệ thống cảnh báo (các hồ, đập trên địa bàn đều được lắp biển cảnh báo). Hàng năm, tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn xã được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng chống thiên tai. Do vậy, đến thời điểm hiện nay trên địa bàn xã Ia O đã hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống điện đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.
- Có tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện đạt 98% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Kiểm tra rà soát tổng hợp tình hình và số liệu về tỷ lệ hộ dân có sử dụng điện, trong đó nêu rõ số hộ có điện kế, số hộ sử dụng chung điện kế và số hộ chưa có điện sử dụng. Tranh thủ sự hỗ trợ của ngành điện hàng năm nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới hệ thống dây điện, các trạm biến áp để người dân sử dụng hệ thống điện ngày càng an toàn hơn.

UBND xã phối hợp với ngành điện thường xuyên kiểm tra và có biện pháp ngăn chặn các hành vi tái phạm về an toàn điện nói chung như: Xây cất mái che, lều quán trong hành lang an toàn điện, kéo điện giăng mắc chằng chịt... kiên quyết xử lý những tổ chức, cá nhân gây mất an toàn điện, cố tình tái vi phạm; Chuyên giao quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, hạ tầng cơ sở của xã cho ngành điện để phân kỳ thực hiện; Kết hợp với chi nhánh điện lực phát hoang, giải toả các chướng ngại vật, nhà vi phạm hành lang an toàn lưới điện đảm bảo đúng theo quy định của ngành điện.

- Các nội dung và khối lượng thực hiện: Hệ thống điện trên địa bàn xã phần lớn đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Đến nay, có 2642/2677 hộ sử dụng điện an toàn và thường xuyên từ các nguồn đạt 98,7%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí về trường học khi có tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND xã phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tiến hành sắp xếp, bố trí các phòng học đảm bảo phục vụ nhu cầu học tập của con em trên địa bàn; lồng ghép các nguồn kinh phí để xây dựng, sửa chữa các lớp học, công trình phụ trợ trong trường học đảm bảo công tác dạy và học.

- Các nội dung đã thực hiện: Trên địa bàn xã có 04 trường học. Trong đó:

+ Trường Mẫu giáo 2/9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị cơ bản đáp ứng đủ cho công tác dạy và học, tuy nhiên chưa đạt chuẩn theo quy định

+ Trường THCS Chu Văn An: Trường chưa đạt chuẩn quốc gia nhưng cơ sở vật chất đáp ứng đủ cho công tác dạy và học.

+ Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh Gia Lai.

+ Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân: Đoàn đánh giá tỉnh đã đánh giá trường có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia. Hiện nay, Phòng Giáo dục Đào tạo đang hoàn thiện hồ sơ kiểm định chất lượng gửi về Sở Giáo dục Đào tạo để tiến hành công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Đánh giá: 03/4 trường học trên địa bàn xã có cơ sở vật chất đạt chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT. Tỷ lệ đạt 75%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã theo quy định cụ thể của UBND tỉnh Gia Lai.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Có 100% số thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Trung tâm Văn hóa – TT xã: Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã được đầu tư xây dựng với diện tích khu Hội trường 350 m², số chỗ ngồi trên 700 chỗ, được bố trí 04 phòng chức năng (Phòng Hành chính, phòng đọc sách báo, phòng sinh

hoạt các câu lạc bộ, phòng truyền thanh); Hội trường Trung tâm VH-TT xã được trang bị đầy đủ bàn ghế, trang bị âm thanh, ánh sáng, đài truyền thanh. Khu thể thao xã được quy hoạch và có đầy đủ trang bị các dụng cụ thể thao đáp ứng cho việc tổ chức các môn thể thao trên địa bàn.

Xã đã có Quyết định thành lập Trung tâm VH-TT xã, Quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm Trung tâm VH-TT xã, Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm, các thành viên của Trung tâm VH-TT xã; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Trung tâm VH-TT xã.

- Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn, làng: Hiện nay trên địa bàn xã O có 9/9 nhà văn hoá thôn, làng. Nhà văn hóa các thôn, làng trên địa bàn xã đều đáp ứng theo quy định về diện tích, chỗ ngồi (từ 80 chỗ trở lên), về đầu tư bên trong (trang trí khánh tiết, thiết bị âm thanh, bàn, ghế). Khu thể thao (sân tập thể thao đơn giản) của 8/8 thôn, làng đều đáp ứng về diện tích và bố trí một số dụng cụ thể thao cơ bản phục vụ sinh hoạt thể thao của người dân.

9/9 thôn, làng có Quyết định phân công chủ nhiệm và các cộng tác viên; các nhà văn hóa – khu thể thao thôn, làng đã ban hành đầy đủ quy chế hoạt động và kế hoạch hoạt động theo quy định.

- Khu vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi: Trung tâm VH-TT xã và các Trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn xã được tận dụng làm khu vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em; nhà văn hóa, khu thể thao các thôn, làng được tận dụng làm khu vui chơi, giải trí và thể thao cho người cao tuổi.

- Có 100% số thôn, làng trên địa bàn xã có nhà văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí: Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Xã Ia O đã có chợ nông thôn nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hiện nay, việc trao đổi, kinh doanh hàng hóa trên địa bàn xã thông qua chợ và một số điểm kinh doanh nhỏ lẻ.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có điểm phục vụ bưu chính.
- Xã có dịch vụ viễn thông, internet.
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Xã có điểm phục vụ bưu chính: Hiện nay trên địa bàn xã đã xây dựng điểm phục vụ bưu chính cố định. Điểm bưu chính của xã Ia O được xây dựng theo hợp thư Bưu chính, địa điểm đặt bên cạnh trụ sở UBND xã.

Về dịch vụ: Đáp ứng đầy đủ các dịch vụ cho khách hàng về nhận và chuyển các loại bưu phẩm,...

+ Xã có dịch vụ viễn thông, internet: Tất cả các thôn, làng trên địa bàn xã Ia O đều được phủ sóng điện thoại di động; đáp ứng về cung cấp đường truyền internet: Băng rộng cố định (cả cáp đồng, cáp quang) và internet băng rộng di động 3G, 4G. Tất cả các dịch vụ viễn thông, internet trên địa bàn xã đều đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

+ Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn:

Trên địa bàn xã đã được đầu tư xây dựng hệ thống Đài truyền thanh vô tuyến (Truyền thanh không dây). Đài truyền thanh không dây của xã được Cục Tần số Vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến.

Số cụm loa FM của các thôn, làng trên địa bàn xã: Xã Ia O có 9 cụm/9 thôn, làng (đạt 100%).

+ Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành:

Đến nay xã Ia O đã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành như sau:

Cơ sở vật chất: Đã đầu tư trang bị máy tính phục vụ cho công tác chuyên môn của cán bộ, công chức. Hiện nay số cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ của xã đạt 100%. Hệ thống máy tính của Đảng ủy xã, Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã đều được kết nối internet băng rộng.

Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Hiện nay xã đã triển khai cài đặt và sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành nhằm phục vụ cho công tác chuyên môn, nhận/gửi văn bản chỉ đạo, điều hành qua mạng internet. Tất cả cán bộ, công chức xã đều được thiết lập và sử dụng thư điện tử công vụ của tỉnh (có định dạng xxx@gialai.gov.vn).

Xã đã có Trang thông tin điện tử là thành phần trên Trang Thông tin điện tử của huyện.

Tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức: Xã Ia O có 21 máy/21 cán bộ công chức (đạt 100%).

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Nhà tạm dột nát: Không.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định: $\geq 75\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Căn cứ vào Đề án và Quy hoạch nông thôn mới của xã, thường xuyên tuyên truyền, định hướng cho các hộ dân trên địa bàn các tiêu chí mẫu nhà ở nông thôn với kiểu nhà đơn giản, hài hoà với không gian nông thôn và tập quán truyền thống của người dân. Từ đó, làm cơ sở để người dân học tập và tiến tới xây dựng đồng bộ nhà ở nông thôn theo tiêu chí mới.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Nhà tạm, nhà dột nát: Hiện tại trên địa bàn xã không còn nhà tạm nhà dột nát.

+ Tỷ lệ nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng: Số lượng 2329/2677 nhà, đạt 87%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Xã đạt chuẩn về tiêu chí thu nhập khi có mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt mức quy định của vùng. Đối với khu vực xã Ia O, xã đạt tiêu chí thu nhập khi mức thu nhập bình quân đầu người của xã ≥ 42 triệu đồng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Xã đã đề ra giải pháp phát triển kinh tế hằng năm, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, áp dụng các mô hình sản xuất điển hình mang lại hiệu quả kinh tế cao; tổ chức liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa phù hợp với nhu cầu thị trường nhằm nâng cao thu nhập của người dân.

- Các nội dung thực hiện: Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 của xã Ia O đạt 42,15 triệu đồng/người/năm đạt mức thu nhập bình quân của tiêu chí theo quy định là 42 triệu đồng.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.11. Tiêu chí số 11: Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí: Xã đạt chuẩn về tiêu chí hộ nghèo khi có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 $\leq 7\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Hàng năm, UBND xã ban hành quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo, xây dựng kế hoạch giảm nghèo và thực hiện rà soát hộ nghèo theo quy định. Lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình, dự án, vốn tín dụng, vốn hỗ trợ sản xuất trong Chương trình nông thôn mới cho các hộ nghèo, cận nghèo phát triển kinh tế và thoát nghèo.

- Các nội dung thực hiện: Năm 2021, số hộ nghèo trên địa bàn xã là 33 hộ/174 hộ chiếm 1,24% (không xét 16 hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội).

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.12. Tiêu chí số 12 : Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí: Xã đạt chuẩn về tiêu chí lao động có việc làm khi có tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Qua khảo sát, số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động là 5.668 người, số lao động có việc làm thường xuyên là 5.102 người, tỷ lệ lao động có việc làm trên tổng số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động chiếm 90,01%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã Ia O có 12 thành viên tham gia Hợp tác xã mật ong Phương Di Ia Grai có trụ sở chính tại xã Ia Dêr. Hợp tác xã được thành lập năm 2018 với số lượng là 300 xã viên và có đủ cơ cấu tổ chức, nhân sự theo quy định.

Từ khi thành lập Hợp tác xã đã ký hợp đồng liên kết tiêu thụ nông sản với công ty TNHH Giang Hữu Thành và đi vào hoạt động có hiệu quả.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục – Đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt mức quy định của vùng là $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt mức quy định của vùng là $\geq 25\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp: 276/276 trẻ, đạt 100%.

- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 302/302 trẻ, đạt 100%.

- Tỷ lệ học sinh đến 14 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học: 1134/1148 học sinh, đạt 99%.

- Tỷ lệ thanh niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS: 754/808 học sinh, đạt 93%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 92% (692/754 học sinh).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 28,9% (1519/5102 người).

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 85% trở lên.

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt mức quy định của vùng là $\leq 31,4\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Có 9.536/11.132 người dân tham gia BHYT, đạt 85,6%.

- Trạm y tế xã: Trạm y tế xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về y tế theo Quyết định số: 927/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Gia Lai.

- Tổng số trẻ em <5 tuổi bị suy dinh dưỡng có chiều cao thể thấp còi của xã 150/1054 trẻ em cùng nhóm tuổi của xã được đo chiều cao trong cùng thời điểm điều tra chiếm 15%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí: Xã đạt chuẩn tiêu chí về văn hóa khi có từ 70% thôn, bản, ấp trở lên đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2021, xã Ia O có 9/9 thôn, làng đạt danh hiệu thôn, làng văn hóa, đạt tỷ lệ 100%.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt $\geq 95\%$ và nước sạch đạt $\geq 50\%$.
- 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch, theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh: Đạt.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định: Đạt.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt $\geq 60\%$.

- 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Có 2.677 hộ /2.677 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; có 1.357/2.677 hộ sử dụng nước sạch đạt 50,69%.

- Có 10/10 hộ gia đình, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã có cam kết bảo vệ môi trường được UBND huyện xác nhận; có 87/87 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt

UBND xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên xã đã ban hành các kế hoạch xây dựng mô hình “Hàng rào xanh, con đường hoa” và kế hoạch mô hình “Đào hố rác, trồng cây xanh”. 9/9 thôn, làng có hương ước bảo vệ môi trường. 2182/2677 hộ thực hiện chỉnh trang hàng rào cổng ngõ. Không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan. Hồ ao, kênh mương, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Đạt.

UBND xã đã thực hiện cắm mốc nghĩa trang nhân dân tại các thôn, làng và ban hành quy chế quản lý nghĩa trang trên địa bàn xã; nghĩa trang nhân dân đảm bảo khoảng cách tối thiểu là 100m đối với khu dân cư.

Việc an táng người chết được thực hiện phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán tốt đẹp, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh, hiện đại.

Chất thải từ hoạt động nghĩa trang, đã thu gom và xử lý trong khuôn viên nghĩa trang.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định: Đạt.

Chất thải rắn: Xã đã có bản đồ quy hoạch vị trí đặt bể thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, hiện nay đã lắp đặt 22 bể thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật; UBND xã đã có đề án thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn y tế tại trung tâm y tế xã đã được hợp đồng với Trung tâm Y tế huyện Ia Grai thu gom xử lý theo đúng quy định.

Trong năm 2021, Ủy ban nhân dân xã đã ký hợp đồng thu gom rác với Tổ thu gom của xã đã tiến hành thu gom rác thải tập trung tại những thôn, làng dọc tỉnh lộ 664 như các làng Lân, Mít Kom 2, Mít Jép, O, Dăng. Đối với các hộ dân trên địa bàn xã việc thực hiện thu gom xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã theo hướng mỗi gia đình tự đào một hố rác và tự xử lý tại chỗ.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Trên toàn xã có 2199/2677 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh chiếm tỷ lệ 82,1%; có 2191/2677 có nhà tắm hợp vệ sinh chiếm tỉ lệ 81,8%, có 2160/2677 hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh chiếm tỷ lệ 80,6%; 2172/2677 hộ đảm bảo 3 sạch "sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ" đạt 81,1%.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Trên toàn xã có 364 hộ chăn nuôi, trong đó 294/364 hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh chiếm tỉ lệ 80,77%.

- Hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Đánh giá nội dung tiêu chí 17.8 về Hộ gia đình, cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT: 2632/2632 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Đánh giá nội dung tiêu chí 17.8 về Hộ gia đình, cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công thương: 08/08 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Đánh giá nội dung tiêu chí 17.8 về Hộ gia đình, cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế: 37/37 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.
- Có 100% tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Công tác xây dựng chính quyền, bộ máy cán bộ, công chức luôn được quan tâm về số lượng và chất lượng; tình trạng tảo hôn và bảo đảm bình đẳng giới luôn được phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân qua hệ thống loa đài và các cuộc họp thôn, làng.

- Các nội dung thực hiện:

+ Có 21/21 cán bộ, công chức đạt chuẩn đạt tỷ lệ 100%.

+ Xã Ia O đã có đầy đủ hệ thống tổ chức chính trị được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền gồm: Đảng bộ xã, HĐND-UBND xã, UB MTTQVN xã, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ.

+ Theo đánh giá phân loại năm 2021, Đảng bộ xã và Chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh”; các tổ chức chính trị - xã hội đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ Xã được đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

+ Xã được đánh giá đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội được thể hiện:

Có 113 phụ nữ/113 phụ nữ chiếm tỷ lệ 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức.

Các trường hợp tảo hôn giảm dần qua các năm: năm 2017 là 14 trường hợp, năm 2018 là 14 trường hợp, năm 2019 là 08 trường hợp, năm 2020 là 05 trường hợp, năm 2021 không có trường hợp.

Mỗi tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh của xã theo quy định.

Có mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng được đặt tại Trạm Y tế xã và nhà của Trưởng các thôn, làng.

Đáp ứng yêu cầu tỷ lệ nữ Ủy viên cấp ủy xã đạt 16,6% trở lên; có 01 cán bộ nữ tham gia Ban Thường vụ Đảng ủy xã ở vị trí Phó Bí thư Đảng ủy nhiệm kỳ 2020-2025

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

* Về Quốc phòng:

Xây dựng Ban Chỉ huy quân sự xã và dân quân xã đủ về số lượng và chất lượng gồm 93 dân quân. Trong đó, Ban Chỉ huy quân sự xã 05 người (01 Chỉ huy trưởng, 01 Chính trị viên; 01 Chính trị viên phó; 02 Chỉ huy phó); 09 Thôn đội trưởng; 01 Trung đội dân quân cơ động; 01 tiểu đội dân quân thường trực (07 đ/c). Biên chế đúng theo quy định của cấp trên giao.

- Trình độ chuyên môn: Chỉ huy trưởng quân sự xã có bằng trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở; Chỉ huy phó 02 đồng chí, trong đó có 01 đồng chí đã qua bộ đội là sỹ quan dự bị.

Hàng năm Ban Chỉ huy quân sự xã tham gia đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức.

Ban Chỉ huy quân sự xã có nơi làm việc và trang thiết bị đầy đủ theo quy định, và hưởng đầy đủ chính sách của nhà nước theo quy định.

Chất lượng chính trị ngày càng được nâng cao, tỷ lệ đảng viên trong dân quân nông cốt đến nay là 19/93 đạt 20,43%.

Thôn đội trưởng 09/09 đồng chí là đảng viên; trung đội trưởng dân quân cơ động và tiểu đội trưởng Dân quân thương trực là Đảng viên.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp”:

Tổ chức biên chế đơn vị dân quân theo đúng quy định của luật dân quân tự vệ gồm 93 dân quân (06 người, đạt 6,45%), trong đó: Dân tộc Kinh 0 dân quân, dân tộc Jrai 92 dân quân, dân tộc Thái 01 dân quân. Đầu năm 2021 Ban Chỉ huy quân sự đã tiến hành luân phiên lực lượng. Đầu năm 2021 Ban Chỉ huy quân sự đã tiến hành luân phiên lực lượng; tổ chức cho ra 18 dân quân và tổ chức kết nạp cho vào 18 dân quân (Có quyết định theo đúng quy định của luật dân quân tự vệ).

Theo thông tư số 65/TT-BQP ngày 16/5/2016, Ban Chỉ huy quân sự xã đã được trang bị đầy đủ VKTB kỹ thuật đảm bảo đúng quy định. Làm tốt công tác bảo dưỡng, bảo quản, lau chùi VKTB, an toàn tuyệt đối.

Theo quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BQP ngày 08/01/2016 của Bộ Quốc phòng. Năm 2021, Ban Chỉ huy quân sự xã đã tổ chức huấn luyện cho lực lượng Dân quân theo cụm số 5 về chính trị, quân sự theo đúng thời gian, chương trình quy định; kết quả huấn luyện hàng năm đạt đơn vị đều đạt khá.

Theo thông tư số 76/TT-BQP ngày 23/6/2020, Ban Chỉ huy quân sự xã đã được trang bị đầy đủ VKTB kỹ thuật đảm bảo đúng quy định; Làm tốt công tác bảo dưỡng, bảo quản, lau chùi VKTB, an toàn tuyệt đối.

Theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng. Năm 2021, Ban Chỉ huy quân sự xã đã tổ chức huấn luyện cho lực lượng Dân quân theo cụm số 5 về chính trị, quân sự theo đúng thời gian, chương trình quy định; kết quả huấn luyện hàng năm đạt đơn vị đều đạt khá.

Thực hiện quy chế phối hợp giao ban hàng tuần đối với Công an xã và các lực lượng theo Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020.

Ban Chỉ huy quân sự xã đã làm và phê duyệt đầy đủ các kế hoạch theo đúng quy định tại thông tư số 43/2020/TT-BQP.

Tuyên truyền vận động và thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự, hàng năm đều hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ theo chỉ tiêu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao, đảm bảo chất lượng.

100% quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở đơn vị thường trực về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ, cụ thể: 15 SQDB, 127 QNDB H1, 100% quân nhân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật được đăng ký quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu cấp trên giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh.

Xây dựng lực lượng 1 BDQCD 28 đ/c luôn sẵn sàng thực hiện mọi nhiệm vụ khi được cấp trên giao như: Phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu nạn, và các nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác.

Tham mưu Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và phối hợp các Ban ngành, Đoàn thể và Ban nhân dân thôn, làng làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng-An ninh cho lực lượng vũ trang và nhân dân, công tác vận động quần chúng, công tác chính sách hậu phương quân đội; tổ chức cho dân quân, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

** Về an ninh trật tự:*

- Đảng ủy có Nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự và triển khai thực hiện có hiệu quả duy trì ổn định, bền vững an ninh trật tự trên địa bàn; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh trật tự cơ sở.

- Không để xảy ra các hoạt động: Chống đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng; tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật; hoạt động ky khai, đòi tự trị, gây rối an ninh trật tự. Không để xảy ra các hoạt động khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

- Triển khai cơ bản, hiệu quả các biện pháp phòng ngừa tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác, bao gồm: Không để xảy ra trọng án trên địa bàn; không có công dân của xã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; các vụ việc được phát hiện và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời. Kiểm chế, làm giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác so với năm trước. Không để xảy ra cháy nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của xã gây ra trên địa bàn.

- Lực lượng Công an xã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ được giao; không có cá nhân bị kỷ luật hình thức cảnh cáo trở lên. Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố, đảm bảo về số lượng và hoạt động theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Công an.

- Xã đạt chuẩn “An toàn về An ninh trật tự” theo quy định của Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an.

- Đạt 05/05 tiêu chí về “An ninh trật tự xã hội và đảm bảo bình yên”.

c) Đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra).

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới: Qua rà soát, báo cáo của UBND xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ia O.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Hồ sơ của UBND xã Ia O đầy đủ theo yêu cầu tại khoản 3, Điều 8, Chương II của Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Ia O đã được các cơ quan Thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách tiêu chí của huyện thẩm tra và công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới: Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ia O.

III. KIẾN NGHỊ

- Đề nghị UBND huyện quan tâm, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện công trình cơ sở hạ tầng và các dự án lồng ghép trên địa bàn xã năm 2021 để thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân.

- Đề nghị UBND huyện xem xét trả lời bằng văn bản cho xã Ia O về kết quả thẩm tra hồ sơ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 để UBND xã Ia O, Văn phòng Điều phối NTM huyện căn cứ hoàn thiện hồ sơ.

Trên đây là báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Ia O năm 2021 của Văn phòng Điều phối NTM huyện, kính báo để UBND huyện được biết và có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Lưu VPĐP.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Phan Đình Thắm

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
Xã Ia O, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Báo cáo số 15/BC-VPĐPNTM ngày 01/12/2021 của
Văn phòng Điều phối NTM huyện)

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo QĐ 250/QĐ-UBND tỉnh	Hiện trạng	Đánh giá (Đạt hoặc Chưa đạt)
I. Quy hoạch					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	
II. Hạ tầng kinh tế-xã hội					
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa 100%	Có 24 km đạt chuẩn/tổng số 24 km (Đạt 100%)	Đạt
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$	Có 24,6 km đạt chuẩn/ tổng số 24,6 km (Đạt 100%)	
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Đạt 100%, Trong đó tỷ lệ cứng hóa $\geq 50\%$	Có 55,12/61,5 km đã được cứng hóa Đạt 89,63%. 6,38 km còn lại sạch không lầy lội vào mùa mưa	
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$	Có 21,5km đạt chuẩn/ tổng số 30,2 km (Đạt 71,19%)	
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên (Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới và Diện tích gieo trồng cả năm được xác định theo số liệu của năm đánh giá tiêu chí)	Đạt	Có 3.863,7/3.863,7 ha được tưới chủ động (Đạt 100 %)	Đạt

		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 98%	Có 1415/1436 hộ sử dụng điện an toàn Đạt 98,5%	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥ 70%	Có 3/4 trường đạt chuẩn (Đạt 75%)	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Theo quy định của tỉnh	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Theo quy định của tỉnh	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	Có 9/9 thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa.	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Theo quy định của tỉnh	Xã có chợ nông thôn đạt chuẩn theo quy định	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Theo quy định của tỉnh	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Theo quy định của tỉnh	Đạt	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Theo quy định của tỉnh	Đạt	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Theo quy định của	Đạt	

			tỉnh		
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Đạt	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 75\%$	Có 2329/2677 hộ có nhà đạt chuẩn (Đạt 87%)	
III. Kinh tế và tổ chức sản xuất					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm)	Năm 2021 42 triệu đồng	42,15 triệu đồng/người/ năm	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	$\leq 7\%$	Có 33/174 hộ nghèo/2678 hộ (chiếm 1,24%)	Đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 90\%$	Có 5120/5668 lao động có khả năng lao động có việc làm (Đạt 90,01%)	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Xã có 12 thành viên tham gia HTX mật ong Phương Di Ia Grai	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Có liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản	
IV. Văn hóa – xã hội – môi trường					
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	$\geq 70\%$	Có 692/754 học sinh tốt nghiệp THCS được học lên (Đạt 92%)	
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 25\%$	Lao động qua đào tạo 1519/5102 lao động Đạt 28,9%	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 85\%$	Có 9463/11132 người tham gia	

				BHYT/tổng số dân (Đạt 85%) Đạt	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 31,4\%$	Có 150/1054 trẻ em bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiếm 15%) Đạt	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 70\%$	Có 9/9 thôn, làng đạt chuẩn văn hóa. Đạt 100%	Đạt
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	$\geq 95\%$ ($\geq 50\%$ nước sạch)	Có 2677/2677 hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% Có 1357/2677 hộ được sử dụng nước sạch đạt 50,69%	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Có 10/10 cơ sở SXKD cam kết BVMT được UBND huyện xác nhận; 87/87 cơ sở SXKD cam kết BVMT với UBND xã (Đạt 100%)	
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Theo quy định của tỉnh	Đạt	
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$	Có 2199/2677 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh chiếm tỷ lệ 82,1%.	

				<p>Có 2191/2677 hộ có nhà tắm hợp vệ sinh chiếm tỉ lệ 81,8%.</p> <p>Có 2160/2677 hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh chiếm tỷ lệ 80,6%.</p> <p>Có 2172/2677 hộ đảm bảo 3 sạch đạt 81,1%</p>	
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 60%	Có 294/364 hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (Đạt 80,7%)	
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Có 2677/2677 hộ, cơ sở. (Đạt 100%)	

V. Hệ thống chính trị

18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	100%	Có 21/21 Cán bộ đạt chuẩn (100 %.) Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	Có 05/ 05 tổ chức (Đạt100%)	
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	

		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt.
19.	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	
Tổng hợp: Xã có 19/19 tiêu chí đạt chuẩn NTM.					